

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2021

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Trần Kim Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đất, là Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 703/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Mỹ P, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số 2B, đường Trần Hưng Đ, khóm 6, phường 5, thành phố CM, tỉnh CM.

Tạm trú: Số 34, đường Trần Văn B, khóm 6, phường 5, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số 2B, đường Trần Hưng Đ, khóm 6, phường 5, thành phố CM, tỉnh CM (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Mỹ P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/4/2007. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Nay tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Triệu Yến Linh, sinh ngày 16/02/2008. Hiện tại con đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị P xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nay chị P xác định chị không còn tình cảm với anh T nên chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh T cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người vợ đối với chồng. Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện cho chị P, anh T hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do, việc này cho thấy anh T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên

căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị P được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị P xác định trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Triệu Yến Linh, sinh ngày 16/02/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Linh. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Linh. Tuy giao cháu Linh cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị P xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Mỹ P về việc xin ly hôn với anh Lê Minh T. Chị P được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Triệu Yến Linh, sinh ngày 16/02/2008 cho chị Triệu Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Triệu Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000432 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Triệu Mỹ P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND Phường 5, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Quốc